TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2018/DS-PT
Ngày: 01-3-2018
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: 1. Ông Văn Công Dần.

2. Bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 203/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về *"*Tranh chấp về thừa kế tài sản*"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2018/QĐ-PT ngày 01/02/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L (L), sinh năm: 1958;

Địa chỉ: Thôn KP, xã HH, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Luật sư Mai Quốc A – Văn phòng luật sư A Đắk Lắk (có mặt).

Địa chỉ: 144 HV, Tp. BMT, tỉnh Đắk Lắk.

* Bị đơn: Bà Bùi Thị Đ , sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn KC, xã DB, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trịnh Thái T, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Trú tại: 260 Buôn N2, xã EN, huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

- Ông Trịnh Thái T1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Trú tại: 260 Buôn N2, xã EN, huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Trịnh Thị Thanh T2, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Trú tại: số nhà 126 xóm S, xã ET, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Trịnh Thị H, sinh năm: 1970 (có mặt). Bà Trịnh Thị H là đại diện theo ủy quyền của ông Hùng, ông Hòa, ông Thế, bà Huệ và bà Hoa.

Trú tại: Thôn TC, xã HH, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Trịnh Thị Thu T3, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Trú tại: 1585/112A PTH, pH 6, quận 8, TP. Hồ Chí Minh.

- Bà Trịnh Thị Thanh T4, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Trú tại: 1583/42C PTH, pH 6, quận 8, TP. Hồ Chí Minh

- Ông Trịnh Thái T5, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn KC, xã DB, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Trịnh Thuỳ T6, sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn KC, xã DB, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk

Bà Bùi Thị Đ đại diện theo ủy quyền cho bà T3, bà T4, ông T5, bà T6.

- Ông Trịnh Quốc H1, sinh năm: 1962 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn M1, xã HH, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Trịnh Thị H2, sinh năm: 1964 (có mặt).

Trú tại: Thôn KC, xã DB, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Trịnh Quốc H3, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn M1, xã HH, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Trịnh Thị H4, sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn lô 13, xã DB, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Trịnh Thanh T7, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn KP, xã HH, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn bà Bùi Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ông Trịnh Văn V và bà Nguyễn Thị M là vợ chồng chung sống với nhau, quá trình chung sống có 07 người con gồm: Trịnh Kim X – sinh năm 1955 (chết ngày 25/02/2011), Trịnh Quốc H1, Trịnh Thị H2, Trịnh Quốc H3, Trịnh Thị H4, Trịnh Thanh T7, Trịnh Thị H. Ngày 21/8/2007 bà Nguyễn Thị M chết, tài sản chung của vợ chồng do ông Trịnh Văn V quản lý, sử dụng; ngày 01/9/2008 ông V lập di chúc phân chia tài sản cho các thành viên trong gia đình. Đến ngày 26/9/2008 ông V kết hôn với bà Nguyễn Thị L. Theo di chúc ông Trịnh Văn V phân chia di sản là căn nhà 03 tầng và thửa đất số 3145, tờ bản đồ số 21, xã HH (trong chợ KC). Theo di chúc của ông Trịnh Văn V chia tài sản cho bà L 1/3, còn ông X được 2/3 thể hiện qua nội dung di chúc như sau: "*Anh X được 2/3 nhà lầu tại chợ HH bố đang ở và toàn bộ đồ dùng trong nhà cũng chia 3: một phần nhà và một phần đồ dùng anh X phải theo thời điểm giá thị trường trả cho dì thừa kế với giá thỏa thuận; và sau anh X phải trách nhiệm xin lễ ông bà nội ngoại, bố mẹ, những ngày giỗ; tất cả điều nói trên, anh X được quyền sử dụng sau khi bố nằm xuống…..*". Đến ngày 06/10/2013 ông Trịnh Văn V chết. Hiện nay đất và nhà đang tranh chấp này do bà Bùi Thị Đ quản lý, ông Trịnh Thanh T7 và bà Trịnh Thị H4 trực tiếp sử dụng (theo hợp đồng thuê nhà đã ký kết với ông V). Các giấy tờ liên quan đến thửa đất trên đang do bà L quản lý. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo di chúc của ông Trịnh Văn V cho bà được hưởng 1/3 giá trị di sản là căn nhà và thửa đất nói trên. Ngoài ra về tài sản và đồ dùng sinh hoạt trong nhà, các tài sản khác trong bản di chúc có giá trị không đáng kể nên bà L không tranh chấp và không yêu cầu chia thừa kế.

Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố và yêu cầu khởi kiện độc lập của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L có ý kiến như sau: Bà L chỉ yêu cầu Tòa án chia phần di sản thừa kế là 1/3 căn nhà và thửa đất, còn 2/3 phần di sản thừa kế nói trên là của ông Trịnh Kim X, nay ông X đã chết phần của ông X đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật bà không tranh

chấp. Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bà L sẽ có trách nhiệm giao toàn bộ giấy tờ có liên quan đến di sản nói trên theo quyết định của Tòa án.

Bị đơn bà Bùi Thị Đ trình bày như sau:

Tôi là vợ của ông Trịnh Kim X, quá trình chung sống có 08 người con gồm: Trịnh Thái T, Trịnh Thị Thanh T4, Trịnh Thị Thu T3, Trịnh Thái T1, Trịnh Thị Thanh T4, Trịnh Thùy T6, Trịnh Thái T5 và 01 người con tên Trịnh Thái Q đã chết năm 2009 (không có vợ, con).

Ngày 01/9/2008 ông Trịnh Văn V lập di chúc phân chia tài sản cho các thành viên trong gia đình. Trong đó ông X được 2/3 căn nhà và thửa đất số 3145, tờ bản đồ số 21, xã HH và các tài sản sinh hoạt trong nhà. Sau khi ông Trịnh Văn V chết ngày 06/10/2013 thì khối di sản nói trên được chia theo di chúc. Hiện nay đất và nhà đang tranh chấp do ông Trịnh Thanh T7 và bà Trịnh Thị H2 quản lý, sử dụng trực tiếp. Các giấy tờ liên quan đến thửa đất trên đang do ai quản lý thì bà Đ không biết. Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện tôi nhất trí thực hiện theo di chúc của ông V chia cho bà Nguyễn Thị L 1/3 căn nhà và đất nói trên, phần còn lại chia cho ông Trịnh Kim X 2/3, nay ông X đã chết (ngày 25/02/2011) thì phần di sản theo di chúc chia đều cho tôi và các con tôi. Ngày 28/8/2017 tôi (Đào) làm đơn kiện phản tố và các con là Trịnh Thị Thu T3, Trịnh Thị Thanh T4, Trịnh Thái T5, Trịnh Thùy T6 làm đơn kiện độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông Trịnh Văn Ỵ và bà Nguyễn Thị M để lại cho ông Trịnh Kim X. Nếu không chia được bằng hiện vật thì chia giá trị bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Thái T trình bày:

Ông T đồng ý với toàn bộ lời trình bày của bà Đ. Ngày 28/8/2017 tôi có làm đơn đơn khởi kiện độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông Trịnh Văn Vy và bà Nguyễn Thị M là đất và nhà có số thửa 3145, tờ bản đồ số 21, xã HH, huyện Cư Kuin theo quy định pháp luật thừa kế, tuy nhiên vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không thực hiện nộp án phí theo quy định. Nếu được chia thừa kế thì tôi đồng ý nhận phần của mình theo phân chia của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Thanh T2, ông Trịnh Thái T1 trình bày:

Ông T1, bà T2 đều đồng ý với lời trình bày của bà Đ, có nguyện vọng được nhận phần di sản tương đương với giá trị bằng tiền. Di sản được phân chia như thế nào thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

* **Theo đơn kiện độc lập ông Trịnh Quốc H1, Trịnh Thị H2, Trịnh Quốc H3, Trịnh Thị H4, Trịnh Thanh T7 do bà Trịnh Thị H đại diện trình bày:**

Thừa nhận vào ngày 01/9/2008 ông V lập di chúc phân chia tài sản là căn nhà 03 tầng và thửa đất số 3145, tờ bản đồ số 21, xã HH (trong chợ KC) là tài sản của ông Trịnh Văn V và bà Nguyễn Thị M được tạo lập trước khi kết hôn với bà Nguyễn Thị L. Theo di chúc của ông Trịnh Văn V có nội dung: "*Anh X được 2/3 nhà lầu tại chợ HH bố đang ở và toàn bộ đồ dùng trong nhà cũng chia 3: một phần nhà và một phần đồ dùng anh X phải theo thời điểm giá thị trường trả cho dì thừa kế với giá thỏa thuận; và sau anh X phải trách nhiệm xin lễ ông bà nội ngoại, bố mẹ, những ngày giỗ; tất cả điều nói trên, anh X được quyền sử dụng sau khi bố nằm xuống.*". Sau khi xem xét di chúc thấy không rõ ràng, đối với 2/3 căn nhà chia cho ông Trịnh Kim X nhưng ông X lại chết ngày trước ông V (ông X chết ngày 25/02/2011 còn ông V chết ngày 06/10/2013) nên không được hưởng di sản, còn 1/3 ông V nêu trong di chúc"*…anh X phải theo thời điểm giá thị trường trả cho dì thừa kế với giá thỏa thuận…"* tôi không hiểu được bố tôi (ông V) muốn chia cho ai? Vì trong nhà và họ hàng không có ai tên là "*dì thừa kế"* phía nguyên đơn cho rằng dì thừa kế là bà Nguyễn Thị L là không đúng. Vì chúng tôi đều gọi là *"mẹ kế"*. Ngày 28/8/2017 tôi cùng các anh em là con của ông V làm đơn kiện độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông Trịnh Văn Vvà bà Nguyễn Thị M là căn nhà và thửa đất số 3145, tờ bản đồ số 21, xã HH, huyện CK theo quy định pháp luật, không đồng ý chia theo di chúc vì di chúc phần này không hợp pháp. Các di sản khác không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án chia.

Nếu được Tòa án chấp nhận thì tôi có nguyện vọng được nhận toàn bộ di sản và thanh toán giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác theo sự phân chia của Tòa án. tôi xác định hiện nay đất và nhà đang tranh chấp này đang do ông Trịnh Thanh T7 và bà Trịnh Thị H2 quản lý, sử dụng trực tiếp. Các giấy tờ liên quan đến thửa đất trên đang do bà L quản lý. Trường hợp Tòa án giải quyết giao tài sản này cho ai quản lý thì ông T7, bà H2 đồng ý giao lại tài sản.

Tại bản án số 21/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 147, 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 634, 635, 636, 646, 652, 667, 674, 675, 676, 677 BLDS 2005

Căn cứ điểm a khoản Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của ông Trịnh Văn V theo di chúc ngày 01/9/2008.

Tuyên bố: Phần nội dung di chúc của ông Trịnh Văn V lập ngày 01/9/2008 tại mục 1 trong di chúc có nội dung: "*Anh X được 2/3 nhà lầu tại chợ HH bố đang ở và toàn bộ đồ dùng trong nhà cũng chia 3: một phần nhà và một phần đồ dùng anh X phải theo thời điểm giá thị trường trả cho dì thừa kế với giá thỏa thuận….*" không có hiệu lực.

Chấp nhận yêu cầu kiện phản tố của bị đơn về việc chia di sản thừa kế của ông Trịnh Văn Vy, bà Nguyễn Thị M để lại cho ông Trịnh Kim X.

Chấp nhận yêu cầu kiện độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Thanh T2, bà Trịnh Thị Thu T3, ông Trịnh Thái T1, bà Trịnh Thị Thanh T4, ông Trịnh Thái T5, bà Trịnh Thùy T6 về việc chia di sản thừa kế của ông Trịnh Văn V, bà Nguyễn Thị M để lại cho ông Trịnh Kim X.

Chấp nhận yêu cầu kiện độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H, ông Trịnh Quốc H1, bà Trịnh Thị H2, ông Trịnh Quốc H3, bà Trịnh Thị H4, ông Trịnh Thanh T7 về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Giao cho bà Trịnh Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 201,8m², diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 240m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 885283 do UBND huyện KA cấp ngày 05/8/1993, thửa đất số 3145, tờ bản đồ số 21, xã HH, huyện CK. Đất có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đường đi dài 6,05m;

Phía Đông giáp đất ông P thửa 3145a dài 33,9m;

Phía Nam giáp thửa 10288 dài 5,86m;

Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn K dài 33,9m.

Trên đất có 01 căn nhà 03 tầng có đặc điểm: móng xây đá hộc, hệ khung bê tông cốt thép chịu lực, tường xây gạch, nền lót gạch hoa, cửa pano khung sắt kính, mái bằng, tường sơn không bả ma tít có diện tích 284,64m²; 01 căn nhà cấp 4 có đặc điểm móng xây đá hộc, tường xây gạch, nền và tường láng xi măng, cửa pano gỗ có diện tích 52,2m² được xây dựng năm 1990; sân xi măng không có lớp lót, diện tích 13,68m², 01 giếng khoan sâu 60m.

Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm giao cho bà Trịnh Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 885283 do UBND huyện KA cấp ngày 05/8/1993, thửa đất số 3145, tờ bản đồ số 21, xã HH, huyện CK.

Bà Trịnh Thị H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục chỉnh lý quyền sử dụng đất sau khi thanh toán tiền cho những người có tên dưới đây:

- Bà Nguyễn Thị L số tiền 147.437.344 đồng.

- Bà Bùi Thị Đ số tiền 14.384.134 đồng.

- Ông Trịnh Quốc H1 số tiền 276.894.524 đồng.

- Bà Trịnh Thị H2 số tiền 276.894.524 đồng.

- Ông Trịnh Quốc H3 276.894.524 đồng.

- Bà Trịnh Thị H4 số tiền 276.894.524 đồng.

- Ông Trịnh Thanh T7 số tiền 276.894.524 đồng.

- Bà Trịnh Thị Thanh T2 số tiền 35.446.608 đồng

- Bà TTrịnh Thị Thu T3 số tiền 35.446.608 đồng

- Ông Trịnh Thái T1 số tiền 35.446.608 đồng

- Bà Trịnh Thị Thanh T4 số tiền 35.446.608 đồng

- Ông Trịnh Thái T5 số tiền 35.446.608 đồng

- Bà Trịnh Thùy T6 số tiền 35.446.608 đồng

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo bản án với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm và phân chia 1/3 căn nhà cho tôi theo di chúc.

Ngày 05/10/2017 bị đơn bà Bùi Thị Đ kháng cáo bản án với nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử làm xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi và các con. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Mai Quốc A giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo. Bị đơn bà Bùi Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án HĐXX, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên người kháng cáo bà Bùi Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai coi như từ bỏ quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 296 BLTTDS.

Về nội dung kháng cáo của bà L: Bà M vợ ông V không có chị, em gái (tức không có dì). Tại đơn khởi kiện năm 2014 của bà H và bản án năm 2015 thì có cơ sở xác định dì thừa kế trong di chúc là bà Nguyễn Thị L. Như vậy, di chúc có hiệu lực pháp luật đối với 1/3 chia cho bà L và không có hiệu lực 2/3, phần không có hiệu lực chia theo pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS

đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Đ và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của Luật sư, các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm lần hai bà Bùi Thị Đ vắng mặt được coi như từ bỏ việc kháng cáo. HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm với yêu cầu kháng cáo của bà Đ là phù hợp với khoản 3 Điều 296 BLTTDS.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị L Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vợ chồng ông Trịnh Văn V và bà Nguyễn Thị M có 07 người con gồm Trịnh Kim X (chết ngày 25/02/2011), Trịnh Quốc H1, Trịnh Thị H2, Trịnh Quốc H3, Trịnh Thị H4, Trịnh Thanh T7, Trịnh Thị H.

Bà M chết ngày 21/8/2007 không lập di chúc, ông V chết ngày 06/10/2013 có lập di chúc ngày 01/9/2008 phân chia tài sản cho các thành viên trong gia đình, có chữ ký của ông Vy và 07 người con của ông V trong bản di chúc. Đến ngày 26/9/2008 ông V kết hôn với bà Nguyễn Thị L tại xã PT, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

Về nguồn gốc di sản thừa kế tranh chấp là 01 căn nhà 03 tầng được xây dựng trên lô đất có diện tích 201,8m^2 tại thửa 3145, tờ bản đồ số 21, xã HH, huyện CK được UBND huyện KA (nay là huyện CK) cấp giấy chứng nhận QSD đất số B 885283 ngày 05/8/1993 do ông Trịnh Văn V đứng tên. Cấp sơ thẩm xác định di sản này mặc dù được cấp GCNQSD đất mang tên ông Trịnh Văn V nhưng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Vvà bà M nên xác định đây là di sản thừa kế của ông V và bà M là đúng nhưng cấp sơ thẩm cho rằng ông Trịnh Văn V định đoạt toàn bộ căn nhà 03 tầng là không hợp pháp vì trong di sản này ½ là của bà M để lại, phần di sản này cần được chia thừa kế theo pháp luật là là chưa phù hợp. Bởi lẽ, mặc dù trong di sản này có ½ tài sản là của bà M nhưng ngày 01/9/2008 khi lập di chúc ông V cùng các con gồm Trịnh Kim X, TTrịnh Quốc H1, Trịnh Thị H2, Trịnh Quốc H3, Trịnh Thị H4, Trịnh Thanh T7, Trịnh Thị H là những người trong hàng thừa kế thứ nhất của bà M đã cùng nhau định đoạt di sản do bà M để lại và tất cả cùng ký tên và không ai có ý kiến gì. Như vậy cần công nhận việc định đoạt toàn bộ di sản theo như di chúc ngày 01/9/2008.

[3] Xét phần nội dung di chúc: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản 1/3 căn nhà và đất theo di chúc của bà Nguyễn Thị L với lý do di chúc không rõ ràng là chưa phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trịnh Thị H cho rằng "dì thừa kế" trong di chúc không phải là bà L nhưng khi ông V lập di

chúc có để lại một phần tài sản cho "dì thừa kế" thì bản thân bà và các anh em không thắc mắc "dì" trong di chúc là ai, tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2017 tại Tòa án nhân dân huyện CK (bút lục số 178) bà H xác định "dì thừa kế" trong di chúc là bà L. Trong đơn khởi kiện ngày 28/7/2014 và bản án dân sự phúc thẩm số 159/2016/DSPT ngày 25/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bà H xác định "dì thừa kế" trong di chúc là bà L. Bà H cho rằng do bà đọc biên bản không kỹ nên mới ký vào là không có cơ sở vì bà H là người có đầy đủ năng lực, nhận thức, biết đọc biết viết nên mới xác nhận vào nội dung mình đã khai. Bà H không đồng ý cho bà L được hưởng phần di sản theo di chúc vì bà L chung sống với ông V được 4 năm thì ông V qua đời, bà L không có công sức đóng góp gì đối với tài sản là không có sở vì ông V có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình hơn nữa khi lập di chúc định đoạt tài sản có sự tham gia của các thành viên trong gia đình nhưng không ai có ý kiến gì. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu chia 1/3 căn nhà và đất theo di chúc cho bà Nguyễn Thị L. Bà L được hưởng 1/3 giá trị căn nhà và đất tương đương 690.438.295đồng. (Theo như biên bản định giá tài sản ngày 13/7/2017 thì giá trị tài sản thừa kế là 2.071.314.884 đồng).

Đối với phần di chúc chia 2/3 căn nhà và đất (có giá trị 1.380.876.589đồng) cho ông Trịnh Kim X thì thấy rằng: Ông X chết ngày 25/02/2011 còn ông V chết ngày 06/10/2013 do đó phần di chúc này không có hiệu lực pháp luật mà cần được chia theo pháp luật cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm bà Nguyễn Thị L, bà Trịnh Thị H, ông Trịnh Quốc H1, bà Trịnh Thị H2, ông Trịnh Quốc H3, bà Trịnh Thị H4, ông Trịnh Thanh T7, và ông Trịnh Kim X. Mỗi người tại hàng thừa kế được hưởng 1/8 giá trị bằng tiền là 1.380.876.589đồng:8 = 172.609.574 đồng/người. Như vậy, bà L được nhận tổng cộng 690.438.293đồng + 172.609.573 đồng = 863.047.869đồng.

Do ông X chết trước ông V nên thừa kế thế vị của ông X được hưởng phần di sản của ông X để lại gồm: ông Trịnh Thái T, bà Trịnh Thị Thanh T2, bà TTrịnh Thị Thu T3, ông Trịnh Thái T1, bà Trịnh Thị Thanh T4, bà Trịnh Thùy T6, ông Trịnh Thái T5. Mỗi người sẽ được hưởng 1/7 giá trị bằng 172.609.574 đồng : 7 = 24.658.510đồng/người.

Đối với phần của ông Trịnh Thái T có đơn yêu cầu độc lập nhưng không nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật, nên tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi ông có đơn yêu cầu.

Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L – sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí:

Về án phí DSST: Do sửa án sơ thẩm nên cần sửa lại phần án phí sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Bùi Thị Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS; khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1] Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L – sửa bản án sơ thẩm số 21/2017/D-ST ngày 21/98/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Đ.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 147, 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 634, 635, 636, 646, 652, 667, 674, 675, 676, 677 BLDS 2005

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của ông Trịnh Văn V theo di chúc ngày 01/9/2008.

Chấp nhận yêu cầu kiện phản tố của bị đơn về việc chia di sản thừa kế để lại cho ông Trịnh Kim X.

Chấp nhận yêu cầu kiện độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Thanh T2, bà Trịnh Thị Thu T3, ông Trịnh Thái T1, bà Trịnh Thị Thanh T4, ông Trịnh Thái T5, bà Trịnh Thùy T6 về việc chia di sản thừa kế cho ông Trịnh Kim X.

Chấp nhận yêu cầu kiện độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H, ông Trịnh Quốc H1, bà Trịnh Thị H2, ông Trịnh Quốc H3, bà Trịnh Thị H4, ông Trịnh Thanh T7 về việc chia di sản thừa kế.

Giao cho bà Trịnh Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 201,8m², diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 240m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 885283 do UBND huyện Krông Ana cấp ngày 05/8/1993, thửa đất số 3145, tờ bản đồ số 21, xã HH, huyện CK. Đất có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đường đi dài 6,05m;

Phía Đông giáp đất ông P thửa 3145a dài 33,9m;

Phía Nam giáp thửa 10288 dài 5,86m;

Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn K dài 33,9m.

Trên đất có 01 căn nhà 03 tầng có đặc điểm: móng xây đá hộc, hệ khung bê tông cốt thép chịu lực, tường xây gạch, nền lót gạch hoa, cửa pano khung sắt kính, mái bằng, tường sơn không bả ma tít có diện tích 284,64m²; 01 căn nhà cấp 4 có đặc điểm móng xây đá hộc, tường xây gạch, nền và tường láng xi măng, cửa pano gỗ có diện tích 52,2m² được xây dựng năm 1990; sân xi măng không có lớp lót, diện tích 13,68m², 01 giếng khoan sâu 60m (Có tổng giá trị là 2.071.314.884 đồng).

Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm giao cho bà Trịnh Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 885283 do UBND huyện KA cấp ngày 05/8/1993, thửa đất số 3145, tờ bản đồ số 21, xã HH, huyện CK.

Bà Trịnh Thị H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục chỉnh lý quyền sử dụng đất sau khi thanh toán tiền cho những người có tên dưới đây:

- Bà Nguyễn Thị L số tiền 863.047.866đồng.

- Ông TTrịnh Quốc H1 số tiền 172.609.573 đồng.

- Bà Trịnh Thị H2 số tiền 172.609.573đồng.

- Ông Trịnh Quốc H3 172.609.573đồng.

- Bà Trịnh Thị H4 số tiền 172.609.573 đồng.

- Ông Trịnh Thanh T7 số tiền 172.609.573đồng.

- Bà Trịnh Thị Thanh T2 số tiền 24.658.510đồng.

- Bà Trịnh Thị Thu T3 số tiền 24.658.510đồng.

- Ông Trịnh Thái T1 số tiền 24.658.510đồng đồng.

- Bà Trịnh Thị Thanh T4 số tiền 24.658.510 đồng.

- Ông Trịnh Thái T5 số tiền 24.658.510đồng.

- Bà Trịnh Thùy T6 số tiền 24.658.510đồng

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 54.914.360 đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 6.904.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0036014 ngày 10/5/2016, bà L còn phải nộp 48.010.360 đồng.

Bà Bùi Thị Đ không phải chịu DSST được trả lại 4.375.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000103 ngày 22/8/2017.

Bà Trịnh Thị H phải chịu 8.630.478đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 7.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000114 ngày 23/8/2017, còn phải nộp 856.047 đồng.

Ông Trịnh Quốc H1 phải chịu 8.630.478đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 7.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000117 ngày 25/8/2017, còn phải nộp 856.047 đồng

Bà Trịnh Thị H2 phải chịu 8.630.478đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 7.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000113 ngày 23/8/2017, còn phải nộp 856.047 đồng

Ông Trịnh Quốc H3 phải chịu 8.630.478đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 7.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000119 ngày 25/8/2017còn phải nộp 856.047 đồng.

Bà Trịnh Thị H4 phải chịu 8.630.478đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 7.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000112 ngày 23/8/2017, còn phải nộp 856.047 đồng.

Ông Trịnh Thanh T7 phải chịu 8.630.478đồng đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 7.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000118 ngày 25/8/2017, còn phải nộp 856.047 đồng đồng.

Bà Trịnh Thị Thanh T2 phải chịu 1.232.925đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 4.375.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000105 ngày 22/8/2017, bà Trịnh Thị Thanh T2 được nhận lại 3.142.075 đồng.

Bà Trịnh Thị Thu T3 phải chịu 1.232.925đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 4.375.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000108 ngày 22/8/2017, bà TTrịnh Thị Thu T3 được nhận lại 3.142.075 đồng.

Ông Trịnh Thái T1 phải chịu 1.232.925đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 4.375.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000106 ngày 22/8/2017, ông Trịnh Thái T1 được nhận lại 3.142.075 đồng.

Bà Trịnh Thị Thanh T4 phải chịu 1.232.925đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 4.375.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000109 ngày 22/8/2017, bà Trịnh Thị Thanh T4 được nhận lại 3.142.075 đồng.

Ông Trịnh Thái T5 phải chịu 1.232.925đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 4.375.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000107 ngày 22/8/2017, ông Trịnh Thái T5 được nhận lại 3.142.075 đồng.

Bà Trịnh Thùy T6 phải chịu 1.232.925đồng án phí DSST được khấu trừ trong khoản tiền 4.375.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000104 ngày 22/8/2017, bà Trịnh Thùy T6 được nhận lại 3.142.075 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001205 ngày 12/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK, tỉnh Đắk Lắk. Bà Bùi Thị Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000146 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư kuin;
- Chi cục THADS huyện CK;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết